

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH GPX Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: 29/23 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁺⁾:
- 1.4. Nhân hiệu: YAMAHA
- 1.5. Tên thương mại: MIO M3 125
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): LNS125
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 20KXM/203156
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3190/NETC-M/19/C, ngày 01/11/2019

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 94 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 247 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: E3R2E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 125 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 7kW/8000rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,156.
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90-14M/C, áp suất lốp: 200 kPa.
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 80/90-14M/C, áp suất lốp: 225 kPa.



2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h.

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,079 lít/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2020

Công ty TNHH GPX Việt Nam


PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐẶNG HÙNG ĐŨNG

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm